

**TAND HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST

Ngày 18-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Mai

Ông Bùi Thế Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: 1. Anh Đồng Bá B1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Chị Đồng Thị T2, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đồng Thị T2: Anh Đồng Bá B1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: Thôn H5, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Phố B, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: Ông Đồng Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Heo, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị TH, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Heo, xã NGH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Đồng Bá B1*

và chị Đồng Thị T2 thống nhất quan điểm trình bày: Gia đình anh chị có kinh doanh hiệu cầm đồ cho vay tiền ông Đồng Văn T là hàng xóm có đến gia vay anh chị vay tiền về mục đích để làm ăn kinh doanh, vợ chồng anh chị có cho ông Tính vay tiền các lần cụ thể như sau: Lần 1 vào ngày 07/6/2020 cho vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng hạn ngày thanh toán tiền là 20/6/2023; Lần 2 vào ngày 02/7/2020 cho vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng hạn ngày thanh toán tiền là 20/6/2023. Tổng cộng số tiền gốc hai lần vay là 30.000.000 đồng.

Sau khi cho vay tiền xong ngày 03/01/2021 bà Trần Thị TH là vợ ông Tính có đến trả cho anh chị số tiền 10.000.000 đồng số tiền này trừ vào tiền lãi của hai khoản vay trên là 2.910.000 đồng, trừ vào số tiền gốc là 7.090.000 đồng. Còn nợ lại số tiền gốc của hai khoản vay tính đến ngày 03/01/2021 là **22.910.000** đồng.

Sau đó ông Tính chuyển khoản trả tiền lãi cho gia đình anh ba lần vào các ngày 15/8/2022 ông Tính đã chuyển khoản trả lãi là 2.000.000 đồng; Ngày 25/9/2022 chuyển khoản trả lãi là 2.000.000 đồng và ngày 15/11/2022 ông Tính chuyển khoản trả lãi là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi còn nợ tính từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử 18/8/2023 là **4.813.500** đồng.

Nay anh chị yêu cầu ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải có nghĩa vụ liên đới trả gia đình anh chị số tiền gốc còn nợ đến ngày 03/01/2021 của hai khoản vay là **22.910.000** đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo hai bên thống nhất thỏa thuận trong giấy vay tiền mức lãi suất là 1,5%/ tháng từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử số tiền lãi là **10.813.500** đồng trừ đi số tiền lãi đã trả **6.000.000** đồng, còn nợ lại tiền lãi là **4.813.500** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là **27.723.500** đồng.

Tại phiên tòa anh Đồng Bá B1 có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đồng Văn T trình bày: Ông nhất trí với lời khai của anh Đồng Bá B1 chị Đồng Thị T2 đã trình bày về số tiền gốc hai lần vay là 30.000.000 đồng mà ông vay của gia đình anh B1 là đúng. Sau khi vay tiền xong hàng tháng ông có đến trả tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng đưa tay không viết giấy tờ, ông đã trả tiền lãi được khoảng 30.000.000 đồng, khi trả tiền lãi có lần trả cho anh B1, có lần trả cho chị T2 không viết giấy tờ, ngày 03/01/2021 ông có nói với bà TH là vợ đến nhà anh B1 trả số tiền 10.000.000 đồng vào tiền gốc và lãi, ngoài ra ông trực tiếp đã chuyển khoản qua tài khoản của ngân hàng Viettinbank trả anh B1 ba lần tiền lãi vào ngày 15/8/2022 ông đã chuyển khoản số tiền là 2.000.000 đồng; Ngày 25/9/2022 ông đã chuyển khoản số tiền là 2.000.000 đồng và ngày 15/11/2022 ông chuyển khoản trả số tiền là*

2.000.000 đồng. Sau đó do dịch bệnh làm ăn thua lỗ nên gia đình chưa trả tiền lãi và gốc cho gia đình anh B1 được.

Nay anh Đồng Bá B1, chị Đồng Thị T2 khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc còn nợ **22.910.000** đồng và tiền lãi là **4.813.500** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là **27.723.500** đồng. Quan điểm của ông đồng ý trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi cho gia đình anh B1, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần. Do bận công việc ông xin vắng mặt tất cả quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa ông Đồng Văn T có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị TH trình bày:* Bà là vợ của ông Đồng Văn T. Bà nhất trí với lời khai của ông Tính đã trình bày về quá trình vay mượn tiền của gia đình anh B1, chị T2 và đồng ý cùng ông Tính trả gia đình anh B1, chị T2 số tiền gốc và lãi còn nợ theo như lời khai của ông Tính. Do bận công việc bà xin vắng mặt tất cả quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa bà Trần Thị TH có đơn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, **Điều 238**, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; iều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2.

Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải có nghĩa vụ liên đới trả anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 số tiền nợ gốc là **22.910.000** đồng và tiền lãi **4.813.500** đồng. Tổng cộng là **27.723.500** đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Ngày 13/3/2023, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Đồng Bá B1 chị Đồng Thị T2 với bị đơn ông Đồng Văn T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ các Điều 227, Điều 228, **Điều 238** của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do anh Đồng Bá B1 chị Đồng Thị T2 cung cấp thì thấy ngày 07/6/2020 anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B1, chị T2 cho ông Tính vay là 15.000.000 đồng; ngày 02/7/2020 anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B1, chị T2 cho ông Tính vay là 15.000.000 đồng. Tổng hai lần vay tiền là 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2, HĐXX xét thấy: Ngày 07/6/2020 anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B1, chị T2 cho ông Tính vay là 15.000.000 đồng; ngày 02/7/2020 anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc anh B1, chị T2 cho ông Tính vay là 15.000.000 đồng. Tổng hai lần vay tiền là 30.000.000 đồng. Giao dịch dân sự giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự anh B1, chị T2 và ông Tính đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ khi vay tiền xong đến hạn trả nợ phía ông Tính đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền như thỏa thuận giữa hai bên về tiền gốc và tiền lãi. Nay anh B1, chị T2 khởi kiện yêu cầu ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH cùng có trách nhiệm phải trả cho gia đình anh B1, chị T2 số tiền gốc còn nợ là **22.910.000** đồng. HĐXX xét thấy việc ông Tính đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của anh B1, chị T2 buộc gia đình ông Tính phải trả số tiền gốc còn nợ là có căn cứ buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH cùng có nghĩa vụ liên đới

trả cho anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 03/01/2021 là **22.910.000** đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tính tiền lãi:* Anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 yêu cầu gia đình ông Tính, bà TH phải trả tiền lãi của số tiền gốc còn nợ là **22.910.000 đồng tính từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử 18/8/2023 là **02** năm **07** tháng **14** ngày, tiền lãi tính theo mức 1,5%/ tháng, tổng số tiền lãi là **10.813.500** đồng. Nhưng trừ đi số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi còn nợ là **4.813.500** đồng, HĐXX xét thấy phía gia đình ông Tính, bà TH đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi như thỏa thuận, việc anh B1, chị T2 yêu cầu tính lãi mức 1,5%/ tháng kể từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả tiền:* Xét thấy việc gia đình ông Tính vay tiền về để kinh doanh xưởng mộc phát triển kinh tế chung cho gia đình, khi vay tiền khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chung sống giữa ông Tính và bà TH. Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và lãi là **27.723.500 đồng cho anh Đồng Bá B1, chị Đồng Thị T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 số tiền **1.150.000** (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) ngày 26/6/2023 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005581 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện LG.

Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải chịu **1.386.100** đồng (một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, **Điều 238**, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.T2 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2.

Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải có nghĩa vụ liên đới trả anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 số tiền nợ gốc là **22.910.000** đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi là **4.813.500** đồng (Bốn triệu, tám trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng). Tổng cộng là **27.723.500** đồng (Hai mươi B1 triệu, B1 trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đồng Bá B1 và chị Đồng Thị T2 số tiền **1.150.000** (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) ngày 26/6/2023 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005581 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện LG.

Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị TH phải chịu **1.386.100** đồng (Một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa